

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/HS-ST

Ngày: 04 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thêm – Hiệu trưởng Trường THCS Quê Thuận;

2. Ông Phạm Thành Quyết - Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại Hội trường **thôn Đ, xã Q, thành phố Đà Nẵng**; Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Minh Q**, giới tính: nam; sinh ngày 06/5/2009 tại **xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **tổ A, thôn S, xã Q, thành phố Đà Nẵng**; căn cước công dân số 049209007827; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Trần Minh H**, sinh năm 1981 và bà **Đặng Thị H1**, sinh năm 1982; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2025 đến ngày 13/02/2026 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn “*Bảo lĩnh*”.

2. Họ và tên: **Trần Đình S**, giới tính: nam; sinh ngày 12/7/2006 tại **xã Q, thành phố Đà Nẵng**; nơi cư trú: **tổ A, thôn Đ, xã Q, thành phố Đà Nẵng**; căn cước công dân số 049206002957; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Trần Anh H2**, sinh năm 1974 và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1983; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/11/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam **T** thuộc Trại tạm giam số 2 **Công an thành phố Đ**.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo *Trần Minh Q*:** ông *Trần Minh H*, sinh năm 1981, địa chỉ: *thôn S, xã Q, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
- **Người bào chữa cho bị cáo *Trần Minh Q*:** bà *Lê Thị N* - Trợ giúp viên pháp lý *Trung tâm T6* thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
- **Bị hại:**
 - + *Nguyễn Đức Hoàng L*, sinh ngày 06/4/2009, địa chỉ: *thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Vắng mặt.
 - Người đại diện hợp pháp:* ông *Nguyễn Đức Hoàng T*, sinh năm 1975, địa chỉ: *thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - + *Nguyễn Nhật H3*, sinh ngày 30/4/2009, địa chỉ: *tổ C, thôn A, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - Người đại diện hợp pháp:* bà *Nguyễn Thị Huyền T1*, sinh năm 1990, địa chỉ: *tổ C, thôn A, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - + *Đặng Võ Phi H4*, sinh ngày 06/01/2009, địa chỉ: *tổ A, thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - Người đại diện hợp pháp:* ông *Đặng Văn T2*, sinh năm 1970, địa chỉ: *tổ A, thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
 - + *Lâm Hoàng B*, sinh ngày 15/9/2009, địa chỉ: *tổ B, thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - Người đại diện hợp pháp:* ông *Lâm Hoàng S1*, sinh năm 1981, địa chỉ: *thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - + *Bùi Hoàng Phi H5*, sinh ngày 14/7/2009, địa chỉ: *tổ C, thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*.
 - Người đại diện hợp pháp:* bà *Nguyễn Thị H6*, sinh năm 1989, địa chỉ: *tổ C, thôn V, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - + *Hà Văn Đ*, sinh ngày 05/3/2009, địa chỉ: *tổ B, thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - Người đại diện hợp pháp:* bà *Lê Thị Thúy H7*, sinh năm 1978, địa chỉ: *tổ B, thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - + *Lê Văn H8*, sinh ngày 12/11/2009, địa chỉ: *tổ B, thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - Người đại diện hợp pháp:* bà *Trương Thị T3*, sinh năm 1985, địa chỉ: *tổ B, thôn C, xã Đ, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
 - + *Trần Ngọc T4*, sinh năm 1989, địa chỉ: *thôn S, xã Q, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.
- **Người làm chứng:**
 - + Bà *Nguyễn Thị P*, sinh năm 1992, địa chỉ: *thôn Đ, xã Q, thành phố Đà Nẵng*. Có mặt.

+ Ông Mai Công H9, sinh năm 1993, địa chỉ: thôn Đ, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 24/7/2025, Nguyễn Nhật H3 cùng với Lâm Hoàng B, Đặng Võ Phi H4, Bùi Hoàng Phi H5, Nguyễn Đức Hoàng L, Hà Văn Đ, Lê Văn H8 ngồi uống nước tại quán “Gió” gần trường THPT L1 thuộc xã Đ. Ngồi chơi game đến khoảng 16 giờ rồi cả nhóm ra về và hẹn nhau tối vào quán “VIP” gần quán “Gió” để uống cà phê. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H3 điều khiển xe mô tô biển số 92H1-92779 đến nhà của L, chở L đến nhà của B rồi đến quán VIP. Khi đến quán V ngồi chơi game đến khoảng 19 giờ 30 phút, H3, B, Đặng Võ Phi H4, Bùi Hoàng Phi H5, L, Đ, H8 rủ nhau qua xã Q, huyện Q (cũ) để tìm thanh niên bằng tuổi gây sự, đánh nhau do trước đó có nhóm thanh niên xã Q gây sự, thách thức đối với nhóm thanh niên ở xã Đ. Nhóm của H3 thống nhất với nhau về lấy ná cải tiến bắn đạn bi sắt để mang theo, L điều khiển xe mô tô của H3 chở H3 về nhà. Khi đến nhà, H3 vào phòng ngủ của mình lấy 01 cái ná cải tiến loại “VIP10” cầm trên tay rồi điều khiển xe mô tô chở L đến quán V. H8 điều khiển xe mô tô biển số 92N1-47142 của H8 chở B về nhà. B vào phòng ngủ của mình lấy 01 ná cải tiến loại VIP10 cầm trên tay, lấy bao đạn chứa nhiều viên bi sắt bỏ vào trong túi quần. Nhóm của H3 gồm 7 người: H3, B, Đặng Võ Phi H4, Bùi Hoàng Phi H5, L, Đ, H8 tập trung tại quán VIP.

Sau đó, Đặng Võ Phi H4 điều khiển xe mô tô của H3, chở H3 ngồi giữa cầm ná cải tiến VIP10, L ngồi phía sau H3. H8 điều khiển xe mô tô của H8 chở B (B cầm ná cải tiến loại VIP10). Bùi Hoàng Phi H5 điều khiển xe mô tô biển số 92E1-145.75 của H5 chở Đ. Nhóm của H3 đi từ Đ đến ngã ba B - Q (cũ) thì dừng lại vào một cửa hàng tạp hóa mua khẩu trang y tế màu đen, che biển số xe lại, rồi di chuyển về hướng xã Q (cũ).

Khoảng 20 giờ ngày 24/7/2025, ông Trần Ngọc T4 (sinh năm 1989, trú tại thôn S, xã Q, thành phố Đà Nẵng) đang ở nhà, thấy nhóm của H3 đi hướng từ xã Đ qua xã Q trên tay cầm theo ná cải tiến. Sợ xảy ra đánh nhau với thanh niên trong xã nên ông T4 gọi điện thoại cho Trần Minh Q là cháu ông T4 nói có nhóm thanh niên đi nhiều xe qua, đi chơi cẩn thận.

Lúc này, Q đang ngồi uống cà phê tại quán “Kem” thuộc thôn D, xã Q cùng với Trần Đình S (sinh năm 2006, trú tại thôn Đ, xã Q), Trần Ngọc Anh T5 (sinh năm 2008, trú tại thôn Đ, xã Q), Nguyễn Phước Duy K (sinh năm 2008, trú tại thôn Đ, xã Q), Huỳnh Sử H10 (sinh năm 2008, trú tại thôn D, xã Q). Q ngồi ở tầng 1 của quán, còn S, T5, H10 và K ngồi tầng 2. Khi nghe ông T4 nói, Q đứng dậy gọi và nói với S “có mấy đứa ở mô qua đông lắm, tụi hần có ná VIP10”. Nói xong, Q đi ra phía trước quán, qua bên kia đường nhặt một nhánh

cây, rồi đi bộ lên gần quán trà sữa “Mẹ C1”. Sỡ từ tầng 2 chạy xuống, qua bên kia đường đứng trước quán Spa cách vị trí của Q 5m về hướng Đ. Đặng Võ Phi H4 điều khiển xe chở H3 và L đến đoạn dốc thì về số và lên ga, khi xe của H4 cách vị trí của Q khoảng 11m (Q đứng sát lề phải theo hướng đi của H4) thì Q cầm đoạn gỗ trên tay ném về hướng của H4, trúng vào người Hùng làm xe ngã trượt về phía trước. H4, L, H3 ngã nằm trên đường bê tông. Thấy vậy, Bùi Hoàng Phi H5 điều khiển xe chở Đ đi thẳng qua vị trí của H5 bị ngã rồi đi vòng về nhà. H8 điều khiển xe mô tô chở B đi phía sau nên điều khiển xe vòng ngược lại (không đến vị trí của xe H5 bị ngã). Sau khi ngã xe, H5 và L nằm bất tỉnh trên đường. Q nói “tụi bây đứng lên chưa”. H3 đứng dậy bỏ chạy về hướng UBND xã Q (cũ). Q và S đuổi theo H3, đến trước UBND xã Q (cũ) thì H3 bị ngã xuống đường. Q nhặt đoạn cây gỗ đánh vào người H3, còn S dùng tay và chân đánh vào người H3. H3 đưa tay trái lên đỡ thì trúng vào tay. Q cầm đoạn cây này đi lại vị trí của H5 và L đang nằm. Thấy L đang nằm chảy máu nhiều tại vùng mặt, Q cầm đoạn cây để tại mép đường bên trái gần xe mô tô của H5 rồi đưa H5 vào bên trong quán Mẹ C1 ngồi. Sau đó, H5 và L được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1, H3 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ2.

* Kết quả trưng cầu giám định:

- Tại Bản kết luận giám định số 2005/KL-KTHS ngày 03/11/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận 02 mẫu vật nỏ ná thu giữ của Nguyễn Nhật H3 và Lâm Hoàng B thuộc chủng loại nỏ (ná), Phụ lục 3, “Danh mục vũ khí thô sơ” Thông tư số 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ C2.

- Tại Bản kết luận giám định số 1879/KL-KTHS ngày 23/10/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đặng Võ Phi H4 là 34%. Các tổn thương do cơ thể tác động tương hỗ với vật tày gây nên.

- Tại Bản kết luận giám định số 1878/KL-KTHS ngày 17/10/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Nhật H3 là 4%. Các tổn thương do cơ thể tác động tương hỗ với vật tày gây nên.

- Tại Bản kết luận giám định số 1887/KL-KTHS ngày 20/10/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Đức Hoàng L là 82%. Các tổn thương do cơ thể tác động tương hỗ với vật tày gây nên.

- Tại Bản kết luận giám định bổ sung số 343/KL-KTHS ngày 08/4/2026 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Đức Hoàng L là 94%. Các tổn thương do cơ thể tác động tương hỗ với vật tày gây nên.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSDNG-KV ngày 06/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng truy tố các bị cáo Trần Minh Q, Trần Đình S

về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước luận tội, giữ nguyên Cáo trạng về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: các bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo **Trần Minh Q** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Trần Đình S** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn cây gỗ dài 58cm, đường kính 3cm, trên đoạn gỗ có nhiều mắt; 01 nỏ (ná) loại cải tiến dài 93cm, nơi rộng nhất dài 18cm; 01 nỏ (ná) loại cải tiến dài 104,5cm, một đầu được gắn với dây su màu xanh, một đầu được gắn ống laze.

Luận cứ của bà Lê Thị N là người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Q: thống nhất Cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đã truy tố đối với bị cáo **Trần Minh Q**; bị cáo **Q** là người chưa thành niên, mức độ nhận thức hạn chế và chưa am hiểu pháp luật nên mới có hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Q**; bởi lẽ, sau khi có hành vi gây thương tích cho bị hại, bị cáo **Trần Minh Q** đã có nhờ người điện gọi cấp cứu đưa bị hại đến bệnh viện, bị cáo cùng gia đình đã thăm hỏi, bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, xử phạt bị cáo **Q** mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S** không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thẩm quyền xét xử vụ án: bị cáo **Trần Đình S** tham gia Dân quân tự vệ tại địa phương với chức vụ Tiểu đội trưởng. Qua điều tra xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội **S** không trong thời gian huấn luyện hoặc phối hợp với Quân đội nhân dân trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu nên căn cứ Điều 272 Bộ luật tố tụng hình sự thì thẩm quyền xét xử vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được như sau: Khoảng 20 giờ ngày 24/7/2025, tại **thôn Đ, xã Q, thành phố Đà Nẵng**, do bức tức trước đây có nhóm thanh niên lạ dùng ná bắn, sau khi biết tin có nhóm thanh niên từ **xã Đ** điều khiển xe mô tô đến khu vực **xã Q**, **Trần Minh Q** đã gọi **Trần Đình S** chặn đánh nhóm thanh niên này. **Trần Minh Q** dùng một đoạn gỗ dài 58cm, ném trúng **Đặng Võ Phi H4** đang điều khiển xe mô tô chờ theo **Nguyễn Đức Hoàng L** và **Nguyễn Nhật H3** làm xe mô tô mất lái, **L** và **H3** ngã đập đầu xuống đường, gây thương tích cho **Nguyễn Đức Hoàng L** là 94%, **Đặng Võ Phi H4** là 34%. Sau khi ngã xe, **Nguyễn Nhật H3** đứng dậy bỏ chạy thì bị **Q** tiếp tục dùng đoạn gỗ đuổi đánh, **S** chạy theo dùng tay, chân đánh vào người **Q** gây thương tích là 4%. Đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự thì hành vi các bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S** đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết là dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ (điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự). Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng số 63/CT-VKSDNG-KV ngày 06/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với hành vi phạm tội của các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và vai trò của từng bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải xử các bị cáo một mức án nghiêm minh nhằm đề răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Mặc dù bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S** phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn nhưng trong vụ án này, bị cáo **Trần Minh Q** giữ vai trò chính, sau khi nghe ông **Trần Ngọc T4** gọi điện thoại để thông báo có nhóm thanh niên **xã Đ** sẽ đi qua và nhắc **Q** cẩn thận thì bị cáo liền gọi bị cáo **S** và chạy ra đường nhặt đoạn cây. Khi **Nguyễn Đức Hoàng L** điều khiển xe chở **Nguyễn Nhật H3** và **Đặng Võ Phi H4** đến thì bị cáo **Q** dùng đoạn cây ném về phía **Nguyễn Đức Hoàng L**, đoạn cây trúng vào người **L** làm người và xe ngã xuống đường; tiếp đến bị cáo nhặt đoạn cây và cùng **S** đuổi theo đánh **H3**. Thương tích của **Nguyễn Đức Hoàng L**, **Đặng Võ Phi H4** do bị cáo **Q** gây nên; thương tích của **Nguyễn Nhật H3** do **Q** và **S** gây ra nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo **Q** cao hơn bị cáo **S**.

Bị cáo **Trần Đình S** là người giúp sức, có vai trò thứ yếu trong vụ án; bị cáo không phải là người trực tiếp gây thương tích cho **H4** 34% và **L** 94% nhưng thống nhất về ý chí, giúp sức về tinh thần cùng **Q** đứng đội để chặn nhóm của **H3**. Sau khi **H4** và **L** ngã xe nằm bất tỉnh trên đường, **H3** bỏ chạy thì **S** cùng **Q** đuổi theo; **Q** dùng cây đánh trúng tay **H3**, **S** dùng tay, chân đánh vào người **H3** gây thương tích 4% nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo **S** thấp hơn bị cáo **Q**.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo cùng gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại đã bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo **Trần Minh Q** là người chưa thành niên nên mức độ nhận thức còn hạn chế. Bị cáo **S** từng tham gia Dân quân tự vệ tại địa phương (*thời điểm thực hiện hành vi phạm tội không trong thời gian huấn luyện*); có ông cố ngoại Nguyễn Chí được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bà cố ngoại **Trần Thị N1** được truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, gia đình ông cố, bà cố ngoại được khen tặng Bằng gia đình vẻ vang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà người bào chữa cho bị cáo **Trần Minh Q** đề nghị áp dụng là không đúng. Bởi lẽ, sau khi sự việc xảy ra bị cáo **Q** không phải là người trực tiếp đưa các bị hại đi cấp cứu và điều trị nên không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo **Q** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt truy tố là phù hợp.

Bị cáo **Trần Minh Q** là người chưa thành niên nên áp dụng Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên nên mức hình phạt áp dụng không quá 3/5 đối với người đã thành niên phạm tội.

Bị cáo **Trần Đình S** có vai trò thứ yếu, không đáng kể nên được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[5] Về loại hình phạt áp dụng:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có đủ điều kiện để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo **Q** và **S** đã bồi thường cho gia đình của **Nguyễn Đức Hoàng L** số tiền 560.000.000 đồng; bồi thường cho gia đình của **Đặng Võ Phi H4** số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho gia đình của **Nguyễn Nhật H3** số tiền 10.000.000 đồng. Gia đình của **H4** và **H3** không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại **Nguyễn Đức Hoàng L** là ông **Nguyễn Đức Hoàng T** cho rằng đến thời điểm hiện tại con của ông chưa thể phục hồi sức khỏe, cần phải tiếp tục điều trị và chi phí cho việc điều trị lớn nên đề nghị các bị cáo và gia đình tiếp tục bồi thường cho bị hại **L** nhưng ông **T** không đưa ra được số tiền cụ thể.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo **Q** cho rằng do hoàn cảnh gia đình hiện nay quá khó khăn nên chưa có tiền để bồi thường cho bị hại **L** và cam đoan sẽ tiếp tục hỗ trợ gia đình ông **T** điều trị cho bị hại **L**.

Xét yêu cầu này của ông **Nguyễn Đức Hoàng T** phù hợp với quy định của pháp luật, quá trình điều trị của **Nguyễn Đức Hoàng L** phát sinh chi phí điều trị hợp lệ và có chứng từ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ các tài sản, vật chứng; sau khi xác định các tài sản không liên quan đến vụ án đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các tài sản sau: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu tím; 01 (một) điện thoại di động Iphone 13, số máy: MLMN3LLA; 01 (một) điện thoại di động Iphone XS Max màu trắng, số seri FFMXW1F6KPH2; 01 (một) điện thoại di động Realme C35, kiểu máy RMX3511; 01 (một) xe mô tô Wave RSX màu đen biển số 92H1-927.79.

Đối với 01 (một) đoạn cây gỗ dài 58cm, đường kính 3cm, trên đoạn gỗ có nhiều mắt; 01 (một) nỏ (ná) loại cải tiến dài 93cm, nơi rộng nhất dài 18cm; 01

(một) nổ (ná) loại cải tiến dài 104,5cm, một đầu được gắn với dây su màu xanh, một đầu được gắn ống laze là hung khí nguy hiểm và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi chuẩn bị 02 ná (vũ khí thô sơ) để đi gây sự, đánh nhau của Nguyễn Nhật H3, Lâm Hoàng B, Đặng Võ Phi H4, Bùi Hoàng Phi H5, Nguyễn Đức Hoàng L, Hà Văn Đ, Lê Văn H8 (nhóm xã Đ) thì các đối tượng này chưa xác định rõ được cụ thể đối tượng mà mình sẽ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe. Do vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Nhật H3, Lâm Hoàng B, Đặng Võ Phi H4, Bùi Hoàng Phi H5, Nguyễn Đức Hoàng L, Hà Văn Đ, Lê Văn H8 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

- Nhóm các đối tượng xã Đ có hành vi tụ tập, chuẩn bị vũ khí thô sơ để đi gây sự, đánh nhau nhưng quá trình di chuyển không có hành vi lạng lách đánh võng, sự việc diễn ra nhanh vào ban đêm, ít người qua lại, vụ việc được tiếp nhận ban đầu là vụ tai nạn giao thông nên chưa gây ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của những người dân xung quanh, chưa gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Đối với hành vi chuẩn bị vũ khí thô sơ (02 nổ ná) của Nguyễn Nhật H3 và Lâm Hoàng B để đi gây sự đánh nhau. H3 và B chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự và cũng chưa bị kết án về tội phạm này nên Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi trên là phù hợp.

- Đối với hành vi vi phạm về tham gia giao thông đường bộ của nhóm xã Đ như: không đội mũ bảo hiểm, chở người ngồi sau không đội mũ bảo hiểm, chở theo 02 người trên xe, điều khiển xe mô tô có dung tích từ 50cm³ trở lên nhưng chưa đủ tuổi, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản đề nghị Phòng C3 công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với ông Trần Ngọc T4 có hành vi gọi điện thoại cho Trần Minh Q để thông báo có nhóm thanh niên xã Đ sẽ đi qua. Quá trình điều tra xác định ông T4 chỉ thông báo nhắc nhở Trần Minh Q đi chơi cẩn thận, không có hành vi xúi giục, giúp sức cho Trần Minh Q trong việc gây thương tích cho người khác nên không có cơ sở để xem xét, xử lý đối với ông T4.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Minh Q, Trần Đình S phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Trần Minh Q** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 13/11/2025 đến ngày 13/02/2026.

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đình S** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 13/11/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đoạn cây gỗ dài 58cm, đường kính 3cm, trên đoạn gỗ có nhiều mắt; 01 (một) nỏ (ná) loại cải tiến dài 93cm, nơi rộng nhất dài 18cm; 01 (một) nỏ (ná) loại cải tiến dài 104,5cm, một đầu được gắn với dây su màu xanh, một đầu được gắn ống laze.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ, quản lý tại kho vật chứng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đ).

3. Về trách nhiệm dân sự: Giao quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác cho **Nguyễn Đức Hoàng L** và người đại diện hợp pháp về chi phí điều trị hợp lý phát sinh của **Nguyễn Đức Hoàng L** đối với các bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S**.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo **Trần Minh Q**, **Trần Đình S** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 04/9/2026./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND KV 6- Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Người tham gia TT;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Võ Minh Diệp

